

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 8 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp
dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 362/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Tuyết L , sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp C , xã T, huyện Đ , tỉnh C . (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Việt T , sinh năm 1972; Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn Đ, huyện Đ , tỉnh C . (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2020 trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Tuyết L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông Nguyễn Việt T tổ chức đám vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân xã Trần Phán, huyện Đ, tỉnh C. Quá trình chung sống thời gian gần đây do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do vợ chồng không có tiếng nói chung và vợ chồng không còn hạnh phúc dẫn đến ly thân khoảng 05 tháng nay. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông T .

Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Việt N , sinh ngày 09/01/2001 và Nguyễn Linh Yến N , sinh ngày 13/7/2008, hiện cháu N đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu N và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc mỗi tháng 1.500.000 đồng; phương thức cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Đối với cháu N đã trưởng thành và không bị hạn chế về khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Việt T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà L trình bày. Vợ chồng có đi đăng ký kết hôn nhưng không được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đối với thời gian ly thân bà L trình bày không đúng, ông xác định vợ chồng ly thân cách nay khoảng 10 tháng và mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L .

Về con chung: Có 02 người con đúng như bà L trình bày. Khi ly hôn ông thống nhất theo yêu cầu của bà L , ông đồng ý giao cháu N cho bà L nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.500.000 đồng; phương thức cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà L và ông T xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Vào ngày 04/8/2020 ông Nguyễn Việt T là bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T .

[2] *Về hôn nhân*. Bà L với ông T tổ chức đám vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, đến ngày 14/02/2020 đăng ký theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T , huyện Đ , tỉnh C , hôn nhân hợp pháp. Bà L cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm, dẫn đến xảy ra nhiều mâu thuẫn và hiện vợ chồng đã ly thân. Nay, bà yêu cầu được ly hôn với ông T . Ông T xác định vợ chồng ly thân cách nay khoảng 10 tháng và mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L .

Xét thấy, bà L và ông T xác định hiện nay đã ly thân và cũng không chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai, nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Việc dẫn theo điều luật quy định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà L với ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà L về việc ly hôn với ông T .

[3] *Về nuôi con chung*: Tên Nguyễn Linh Yên N , sinh ngày 13/7/2008, hiện cháu N đang sống cùng bà L . Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi cháu Ngọc. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “...vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; ...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Viện dẫn từ điều luật trên, tại phiên hòa giải ông T và bà L thỏa thuận ông T đồng ý giao cháu N cho bà L nuôi dưỡng và theo biên bản ghi nguyện vọng của cháu N ngày 04/8/2020 cháu N có nguyện vọng ở với mẹ là bà Mai Tuyết L . Do đó, cần giao cháu N cho bà L nuôi dưỡng. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Viện dẫn theo điều luật trên, tại phiên hòa giải ngày 04/8/2020 ông T và bà L thỏa thuận, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.500.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của ông T , buộc ông T cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Phương thức cấp dưỡng hàng tháng; Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

[5] *Về tài sản chung*: Bà L và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về nợ*: Bà L và ông T xác định không có.

[7] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng;

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông T phải chịu 150.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Tuyết L.

1. Về hôn nhân: Cho bà Mai Tuyết L ly hôn với ông Nguyễn Việt T .

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao Nguyễn Linh Yến N , sinh ngày 13/7/2008 cho bà Mai Tuyết L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Nguyễn Việt T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Buộc ông Nguyễn Việt T phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Linh Y Ngọc số tiền là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ tuyên án sơ thẩm đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010894 ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

3.2. Án phí cấp dưỡng cho con ông Nguyễn Việt N phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.